TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 202/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường A, tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052187011047

- *Bị đơn:* anh Dương Văn T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường A, tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052083008370

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Giao 02 người con chung là Dương Văn G, sinh ngày 01/4/2011 và Dương Phú T2, sinh ngày 05/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002104 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Còn hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THA khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- UBND phường An Nhơn
(ĐKKH số: 112, ngày 18/10/2010);
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Phượng